

Số: 50BC-TTYT

TP. Thái Bình, ngày 17 tháng 05 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**“THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ AN TOÀN THỰC PHẨM”**

*Kính gửi:* Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

**I. Công tác chỉ đạo**

- Thực hiện Kế hoạch số 92/KH-BCĐ ngày 4/4/2019 của Ban chỉ đạo Liên ngành An toàn thực phẩm tỉnh Thái Bình về việc triển khai Tháng hành động vì An toàn thực phẩm năm 2019.

- Thực hiện Kế hoạch số 44/KH-BCĐ ngày 09/04/2019 của Ban chỉ đạo Liên ngành An toàn thực phẩm Thành phố Thái Bình về việc triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2019.

- Xây dựng Kế hoạch số 22/KH-TTYT ngày 16/04/2019 của Trung Tâm Y tế Thành phố về việc thanh tra, kiểm tra tháng hành động vì An toàn thực phẩm năm 2019.

- Ra Quyết định số 71/QĐ-TTYT ngày 16/04/2019 của Trung tâm Y tế Thành phố về việc thành lập đoàn kiểm tra chuyên ngành An toàn thực phẩm năm 2019.

TT	Nội dung hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh	
		Tổng số xã	Số xã thực hiện*	Tổng số huyện	Số huyện thực hiện*	Có	Không
1	Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai Tháng hành động	19	19	1	1		
2	Tổ chức Lễ phát động/ hội nghị triển khai	19	19	1	1		
3	Hội nghị tổng kết	19	19	1	1		

**II. Hoạt động truyền thông**

TT	Tên hoạt động	Số lượng	Ghi chú
1	Nói chuyện/Hội thảo	01	100 người
2	Khám sức khỏe		227 người
3	Phát thanh loa đài	3 lần/ tuần	Toàn Thành phố
4	Truyền hình	3 tin	
5	Báo viết	1 bài	Nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú của các trường MN + TH trên địa bàn Thành

			phố
6	Băng rôn, khẩu hiệu	19	
7	Tranh áp - phích		
8	Tờ gấp		
9	Băng đĩa	20	
10	Hoạt động khác (ghi rõ)		

### III. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm:

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra: 22

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh:

1.2 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện: 3

1.3 Số đoàn kiểm tra tuyến xã: 19

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở đạt		Số cơ sở vi phạm		Số tiền phạt (đồng)	Xử phạt bổ sung	Khắc phục hậu quả
				n	%	n	%			
1	Sản xuất thực phẩm	164	2	1	50	1	50	2.000.000		
2	Kinh doanh thực phẩm	434	18	15	83,3	3	16,7	2.000.000		
3	KD dịch vụ ăn uống	689	135	112	83	23	17	31.250.000		
4	KD thức ăn đường phố									
	Tổng số (1 + 2 + 3 + 4)	1287	155	128	82,6	27	17,4	35.250.000		

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	155	
2	Số cơ sở có vi phạm	27	17,4

Trong đó:			
3.1 Hình thức phạt chính:			
	Số cơ sở bị cảnh cáo	0	
	Số cơ sở bị phạt tiền	17	11
	Tổng số tiền phạt	35.250.000	
3.2 Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả			
*	Số cơ sở bị đóng cửa	0	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	0	
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	0	
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	0	
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	0	
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn	1	0,6
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	1	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo	0	
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành	0	
*	Các xử lý khác	0	
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	0	
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	10	6,4

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	0	0	
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi	0	0	
3	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ	155	12	7,7
4	Điều kiện về con người	155	14	9,03
5	Công bố sản phẩm	0		
6	Ghi nhãn thực phẩm	1	1	
7	Quảng cáo thực phẩm	0		
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	0		
9	Vi phạm khác (ghi rõ)	0		

#### IV. Kiểm nghiệm

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu				
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu đạt		Số mẫu không đạt	
			n	%	n	%
1	Tổng số xét nghiệm tại labo	0				
1.1	Hóa lý	0				
1.2	Vi sinh	0				

2	Xét nghiệm nhanh	262	227	86,7	35	13,3
	Tổng (1+2)	262	227	86,7	35	13,3

## V. Ngộ độc thực phẩm

TT	Nội dung	Kết quả		So sánh năm nay/năm trước
		Số liệu năm nay	Số liệu năm trước	
1	Số vụ	0	0	
2	TS mắc			
3	Số đi viện			
4	Số tử vong			
5	Nguyên nhân			
	- Vi sinh			
	- Hóa học			
	- Không xác định			
Cộng				

## VI. Các hoạt động khác.

.....

.....

## VII. Đánh giá chung.

### 1. Thuận lợi:

Được sự chỉ đạo chuyên môn của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Ban chỉ đạo liên ngành An toàn thực phẩm tỉnh, sự chỉ đạo trực tiếp của UBND các cấp và sự phối hợp đồng bộ của các khoa, phòng, ban ngành đoàn thể... nên công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai tháng hành động đảm bảo An toàn thực phẩm từ thành phố đến xã, phường được triển khai thuận lợi.

### 2. Khó khăn:

Trên địa bàn 19 xã, phường một số cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ chưa thực hiện đúng Luật An toàn thực phẩm: còn chưa sử dụng bảo hộ lao động khi chế biến thực phẩm, chưa tham gia khám sức khỏe định kỳ hàng năm...

Một số cơ sở vệ sinh môi trường nội và ngoại cảnh còn chưa được nâng cao: cống rãnh vẫn còn ứ đọng, khu vực chế biến còn chưa được gọn gàng ngăn nắp, không theo nguyên tắc một chiều.

### 3. Đề xuất, kiến nghị:

Tăng cường công tác tuyên truyền đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng nhằm nâng cao ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về An toàn thực phẩm.

**Nơi gửi:**

- Như trên;
- Lưu TCHC-TC

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

